

Số: 05 /QĐ-HĐTr(KH)

Bình Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung danh mục một số loại công trình, sản phẩm nghiên cứu được quy đổi ra điểm khoa học trong Quy định chế độ làm việc của cán bộ, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-HĐTr(TC), ngày 07/12/2020 của Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của cán bộ, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ kết quả thảo luận, thống nhất của cuộc họp Lãnh đạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung danh mục một số loại công trình, sản phẩm nghiên cứu được quy đổi ra điểm khoa học trong Quy định chế độ làm việc của cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một (*Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thực hiện kể từ năm học 2021-2022./.

*Nơi nhận:*

- CT, PCT, HĐTr;
- HT, PHT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KH.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp

**Phụ lục****BỔ SUNG DANH MỤC MỘT SỐ LOẠI CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM  
NGHIÊN CỨU ĐƯỢC QUY ĐỔI RA ĐIỂM KHOA HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-HĐTr(KH) ngày 27/5/2022  
của Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Loại công trình, sản phẩm nghiên cứu	Số điểm NCKH/ công trình, sản phẩm	Ghi chú
1	Các quy trình tạo sản phẩm thực nghiệm:		
	- Các quy trình chế biến và mẫu sản phẩm từ nấm ăn, rǎo và nấm dược liệu (bột, viên, nước uống, đóng hộp, sấy, nước chấm, thực phẩm khác...)	0,25	
	- Các quy trình sản xuất sản phẩm và mẫu sản phẩm từ nông sản/ phụ phẩm nông nghiệp	0,25	
	- Các quy trình trồng nấm ăn, nấm dược liệu có giá trị và mẫu sản phẩm	0,25	
	- Các quy trình chiết xuất dược liệu quy mô thí nghiệm (nấm, thực vật, rǎo...) và mẫu sản phẩm	0,25	Các quy trình này phải được đơn vị chủ trì phê duyệt kế hoạch, có đề cương thực hiện và biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện của hội đồng khoa học cấp Trường đánh giá đạt yêu cầu trở lên.
	- Các quy trình chiết xuất dược liệu quy mô sản xuất (nấm, thực vật, rǎo...) và mẫu sản phẩm	0,25	
	- Các quy trình tạo sản phẩm mỹ phẩm thiên nhiên (son, dầu gội, xà phòng, mặt nạ, các sản phẩm dưỡng da/ tóc...) và mẫu sản phẩm	0,25	
	- Các quy trình tạo vật liệu mới và mẫu sản phẩm	0,25	
	- Các quy trình tạo các sản phẩm mới trong nghiên cứu/ trong sản xuất khác và mẫu sản phẩm	0,25	
2	Các sản phẩm âm nhạc:		
	- Tham gia đạo diễn cuộc thi văn nghệ cấp	0,125	- Phải có văn bản phân

TT	Loại công trình, sản phẩm nghiên cứu	Số điểm NCKH/ công trình, sản phẩm	Ghi chú
	tỉnh, thành phố đạt giải		công nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận tham gia của cấp có thẩm quyền.
	- Tham gia huấn luyện hoặc biểu diễn chương trình nghệ thuật cấp tỉnh hoặc cuộc thi cấp tỉnh, thành phố đạt giải	0,125	- Chi tính cho người đạo diễn chính, huấn luyện viên chính.
	- Sáng tác ca khúc ca ngợi quê hương đất nước được đài truyền hình phát sóng; sáng tác mới đạt giải cấp Huyện, cấp Tỉnh; ca khúc mới được nhà trường công nhận	0,125	
	- Sáng tác mới đạt giải cấp liên Tỉnh/ Khu vực/ vùng hoặc tương đương	0,25	
	- Sáng tác mới đạt giải cấp trung ương	0,375	
3	Các sản phẩm mỹ thuật và thiết kế đồ họa:		
	- Tác phẩm, sáng tác mỹ thuật ứng dụng (thiết kế đồ họa) đạt giải cấp Tỉnh hoặc tương đương	0,125	
	- Tác phẩm được trưng bày triển lãm Khu vực 7 (Quy mô triển lãm gồm 9 tỉnh khu vực Đông Nam Bộ)	0,125	Phải có giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền.
	- Tác phẩm được trưng bày giải thưởng Huỳnh Văn Nghệ (Giải thưởng do tỉnh Bình Dương tổ chức 5 năm/lần)	0,125	
	- Tác phẩm, sáng tác mỹ thuật ứng dụng sáng tác <b>trong năm</b> được trưng bày tại các triển lãm thường niên hay cuộc thi có hội đồng nghệ thuật đánh giá xét duyệt cấp Tỉnh hoặc tương đương	0,125	
4	Chủ trì thiết kế đồ án kiến trúc (đối với phương án thiết kế được tuyển chọn):		
	- Công trình cấp đặc biệt	0,75	Phải có thuyết minh công trình và hồ sơ thiết kế được duyệt của
	- Công trình cấp 1	0,5	

TT	Loại công trình, sản phẩm nghiên cứu	Số điểm NCKH/ công trình, sản phẩm	Ghi chú
	- Công trình cấp 2	0,3	cấp có thẩm quyền.
	- Công trình cấp 3	0,15	
5	Chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch (đối với phương án thiết kế được tuyển chọn):		
	- Quy hoạch chung, quy hoạch vùng	0,75	Phải có thuyết minh công trình và hồ sơ thiết kế được duyệt của cấp có thẩm quyền.
	- Quy hoạch chuyên ngành	0,75	
	- Quy hoạch chi tiết 1/500	0,5	
	- Quy hoạch phân khu 1/2000	0,5	
	- Đồ án thiết kế đô thị	0,5	
6	Hướng dẫn Sinh viên tham dự các cuộc thi ngoài trường và đạt giải	0,125	
7	Báo cáo các chuyên đề, nội dung công việc, quy trình sản xuất, xây dựng mô hình thuộc đề tài cấp Nhà nước, cấp Tỉnh/Bộ		
	- Báo cáo các chuyên đề, nội dung công việc, quy trình sản xuất, xây dựng mô hình thuộc đề tài cấp Nhà nước hoặc tương đương	0,5	Các chuyên đề, nội dung công việc, quy trình sản xuất, mô hình này phải được Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch, có đề cương thực hiện và biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện của hội đồng khoa học cấp Trường đánh giá đạt yêu cầu trên.
	- Báo cáo các chuyên đề, nội dung công việc, quy trình sản xuất, xây dựng mô hình thuộc đề tài cấp Tỉnh/Bộ hoặc tương đương	0,25	

Ghi chú: Tác giả chính/ người thực hiện chính được hưởng 1/3 số điểm của công trình/sản phẩm nghiên cứu (trường hợp có nhiều người được xem là tác giả chính, 1/3 số điểm của công trình sẽ được chia đều cho các tác giả chính); số điểm còn lại được chia đều cho từng người tham gia, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người./.